TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01 /2020/LĐ-PT Ngày 28 - 4 - 2020 V/v "*Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường do bị chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2020/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc "Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường do bị chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2020/QĐPT-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp SP, xã SĐ, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, Luật sư cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Ban Quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H, sinh năm 1961 - Chức vụ: Trưởng Ban Quản lý Chợ Huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977; Địa chỉ: 305/68, ấp LQ, xã LT, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Q, bị đơn Ban Quản lý Chợ huyện L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Q là bà Nguyễn Thị Diễm Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Từ năm 2005 đến ngày 28/02/2014, ông Q là người lao động làm việc tại Trung tâm Văn hóa -Thể thao huyện L, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 28/02/2014, Giám đốc Trung tâm Văn Hóa thỏa thuận với ông Lê Văn H - Trưởng ban Ban Quản lý Chợ huyện L để chuyển giao, tiếp nhận ông Q làm việc tại Ban Quản lý Chợ.

Ngày 01/3/2014, ông Q là viên chức làm việc tại Ban Quản lý Chợ huyện L, Hợp đồng làm việc số: 01/HĐLV ngày 01/3/2014, hình thức: hợp đồng không xác định thời hạn, nhiệm vụ: chăm sóc cây cảnh trong công viên Quảng trường Trung tâm hành chính huyện L; hưởng lương bậc 3, hệ số 1.86.

Ngày 31/12/2014, ông H ban hành Biên bản thanh lý hợp đồng làm việc số: 86/TLHĐ-BQL về việc chấm dứt hợp đồng đối với ông Q. Việc Ban Quản lý Chợ ban hành biên bản thanh lý hợp đồng để chấm dứt hợp đồng không xác định thời hạn là trái quy định pháp luật. Sau khi thanh lý hợp đồng, ông Q vẫn tiếp tục làm công việc của mình, không gián đoạn, nhưng ông H đã lập hồ sơ và hướng dẫn ông Q hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, đồng thời không thanh toán tiền trợ cấp thôi việc hoặc mất việc cho ông Q theo đúng quy định.

Ngày 01/01/2015, ông H ký Hợp đồng giao khoán số: 01/HĐ-BQLC, hợp đồng có thời hạn 01 năm, từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015, nhiệm vụ: chăm sóc cây cảnh tại Quảng trường như ông Q đã làm trước đây, hưởng lương 2.610.000 đồng/tháng.

Sau 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng, tức là kể từ ngày 31/12/2015, ông Q vẫn tiếp tục làm việc bình thường và hưởng lương đến hết ngày 31/7/2018, mức lương 2.610.000 đồng/tháng. Hàng tháng, ông Q có ký nhận trên bảng lương và tiền lương nhận qua thẻ ATM Ngân hàng Nông Nghiệp. Từ ngày 31/7/2018 đến nay, giữa ông Q và ông H không có ký bất kỳ hợp đông nào khác. Vì vậy, theo quy

định của Luật lao động thì Hợp đồng số: 01/HĐ-BQLC ngày 01/01/2015 được ký kết giữa ông Q và ông H trở thành hợp đồng không xác định thời hạn. Nên ngày 01/8/2018, ông H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Q là trái pháp luật.

Ngoài ra, các chữ ký của ông Q trong các hợp đồng hàng tháng từ tháng 01/2015 đến tháng 7/2018 do Ban Quản lý Chợ nộp đến Tòa án là để quyết toán chứng từ (các hợp đồng hàng tháng từ tháng 9-12/2017 và từ tháng 01-07/2018 là không phải chữ ký của ông Q). Còn đối với Hợp đồng giao khoán số: 01/HĐ-BQLC ngày 01/01/2015 thì đúng là chữ ký và ký kết trên sự nguyện của ông Q. Từ tháng 3/2014 đến tháng 7/2018 là ông Q làm việc cho Ban Quản lý Chợ liên tục không gián đoạn.

Vì vậy, nay ông Qyêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Buộc Ban Quản lý Chợ huyện L phải nhận ông Q trở lại làm việc và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) trong những ngày ông Q không được làm việc (kể từ ngày 01/8/2018 cho đến khi nhận ông Q trở lại làm việc) và 05 (năm) tháng tiền lương theo hợp đồng (bồi thường tổn thất tinh thần) theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động, với số tiền là 17.226.270đ (Mười bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

- Thứ hai: Buộc Ban Quản lý Chợ huyện L phải thực hiện đúng chế độ nâng lương đúng hạn (02 năm một lần) cho ồng Quân theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ. Đồng thời thực hiện đúng với nội dung Hợp đồng làm việc đã được ký kết: Ban Quản lý Chợ phải trả tiền lương chênh lệch còn thiếu cho ông Q (tạm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/8/2019) do không nâng lương đúng hạn là 58.337.466đ (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

- Thứ ba: Buộc Ban Quản lý Chợ huyện L phải bồi thường cho ông Q một khoản tiền tương ứng với tiền lương của ông trong những ngày không thông báo trước (45 ngày) đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động là 5.167.881đ (Năm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

- Thứ tư: Buộc Ban Quản lý Chợ huyện L tiếp tục thực hiện nội dung Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 01/HĐLV ngày 01/3/2014 đã được ký kết giữa ông Q và ông Lê Văn H - Trưởng Ban Quản lý Chợ huyện L.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Sau khi Ban Quản lý Chợ huyện L nhận quyết định quản lý chăm sóc khu quảng trường, trong đó nguồn kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách huyện phân bổ

theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện và Quyết định phân bổ ngân sách hàng năm cho Ủy ban nhân dân huyện (UBND). Được sự đồng ý của UBND huyện cho Ban Quản lý Chợ tuyển nhân viên hợp đồng để chăm sóc khu quảng trường.

Ngày 01/3/2014, Ban Quản lý Chợ có hợp đồng lao động với ông Lê Văn Q, công việc được giao là chăm sóc khu quảng trường. Ban quản lý chợ đã hợp đồng với ông Q chia thành 3 giai đoạn, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn:

Ngày 01/3/2014, Ban Quản lý Chợ hợp đồng không xác định thời hạn với ông Q, hợp đồng số 01/HĐLV; hưởng lương bậc 3, hệ số 1.86; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được hưởng đầy đủ; ngoài ra 02 tháng đầu (tháng 3, 4/2014) còn được hưởng phụ cấp độc hại 0.2. Đến tháng 5/2014, phụ cấp độc hại bị cắt sau khi có ý kiến của Phòng tài chính - Kế hoạch. Hợp đồng được hai bên thực hiện đến hết tháng 12/2014, ngày 31/12/2014 Ban quản lý Chợ và ông Q đã thanh lý hợp đồng nêu trên, có lập biên bản thanh lý hợp đồng số 86/TLHD-BQL ngày 31/12/2014.

2. Hợp đồng xác định thời hạn (hợp đồng giao khoán):

Ngày 01/01/2015, theo chức năng nhiệm vụ và nguồn kinh phí được giao, Ban Quản lý Chợ tiếp tục hợp đồng với ông Q hợp đồng giao khoán, có xác định thời hạn, cụ thể: Thời gian từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015, giá trị hợp đồng là 31.320.000 đồng/năm, trong đó có bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương trả theo từng tháng là 2.610.000 đồng.

3. Hợp đồng một tháng: Sau khi kết toán kinh phí ngân sách cấp phần chi thuê mướn chăm sóc khu quảng trường năm 2015, Ban Quản lý Chợ đã hợp đồng lao động với ông Q như sau:

- Trong năm 2016, đã có 12 hợp đồng với ông Q, loại hợp đồng 01 tháng, thực hiện theo chế độ giao khoán công việc, giá trị mỗi hợp đồng là 2.610.000 đồng.

- Trong năm 2017, đã có 12 hợp đồng với ông Q, loại hợp đồng công nhật, thời gian làm việc 15 ngày/tháng, mỗi ngày 180.000 đồng (riêng tháng 02 làm việc 14 ngày) thực hiện chế độ giao khoán công việc, giá trị mỗi hợp đề 2.700.000 đồng (tháng 2 là 2.520.000 đồng). Hợp đồng công nhật là thực hiện theo chỉ đạo của UBND huyện L.

- Trong năm 2018, đã có 7 hợp đồng với ông Q, loại hợp đồng khoán việc, thời gian làm việc 15 ngày/tháng, mỗi ngày 180.000 đồng (riêng tháng 2 làm việc 14 ngày), giá trị mỗi hợp đồng là 2.700.000 đồng (tháng 2 là 2.520.000 đồng).

Đến đầu tháng 8/2018, theo chủ trương của UBND, Ban Quản lý Chợ đã cùng Phòng Kinh tế - Hạ tầng bàn giao khu Quảng trường cho Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảnh quan ĐA. Như vậy, từ tháng 8/2018, Ban Quản lý Chợ không còn chăm sóc quản lý khu Quảng trường, nguồn kinh phí do ngân sách cấp đã cắt từ thời điểm này, vì vậy Ban Quản lý Chợ không tiếp tục hợp đồng với ông Q kể từ đầu tháng 8/2018.

Ban Quản lý Chợ xác định hợp đồng giao khoán số 01/HĐ-BQLC ngày 01/01/2015 giữa ông Qvới Ban Quản lý Chợ đã kết thúc khi hết thời hạn trong hợp đồng. Tuy nhiên trong năm 2015 này Ban quản lý có lập 12 hợp đông hàng tháng với ông Q để quyết toán chứng từ với Kho bạc Nhà nước. Từ tháng 01/2016 đến tháng 07/2018 thì Ban quản lý, trực tiếp ông H là người thỏa thuận bằng lời nói với ông Q về hợp đồng thuê ông Q làm việc hàng tháng, và ông Q đồng ý ký tên vào các hợp đồng hàng tháng là để hợp thức hóa giấy tờ, quyết toán chứng từ.

Còn đối với các chữ ký của ông Q trong hợp đồng hàng tháng và chứng từ thì trong số các văn bản này có một số văn bản không phải chữ ký của ông Q mà là người khác ký để hợp thức hóa giấy tờ, chứng từ; bởi vì thực tế liên lạc ông Q cũng khó khăn, có lúc 06 tháng mới gặp ký giấy tờ một lần. Những chữ ký của ông Q trong các văn bản là thể hiện ý kiến tự nguyện thực hiện hợp đồng giữa ông Q và Ban Quản lý Chợ và ký cũng để quyết toán chứng từ với Kho bạc Nhà nước.

Nay Ban Quản lý Chợ không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ban Quản lý có thiện chí hỗ trợ cho ông Q 01 tháng tiền lương của ông Q được nhận trước khi nghỉ việc.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ các Điều 22, 38, 41, 42 Bộ luật Lao động năm 2012; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q đối với Ban Quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre về việc *"Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường do bị chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật"*:

- Buộc Ban Quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre phải nhận ông Lê Văn Q trở lại làm việc theo hợp đồng đã ký kết số 01/HĐ-BQLC ngày 01/01/2015 giữa ông Q và Ban Quản lý Chợ huyện L.

- Buộc Ban Quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn Q tổng cộng số tiền là 56.140.000đ (Năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) gồm: tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội là 45.920.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 5.840.000 đồng; tiền bồi thường 45 ngày không thông báo trước là 4.380.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2019, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 24/12/2019, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn 03 tháng tiền lương theo hợp đồng, các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 01/3/2014, Ban Quản lý Chợ huyện L lập hợp đồng không xác định thời hạn với ông Lê Văn Q, theo Hợp đồng số: 01/HĐLV ngày 01/3/2014; lương bậc 3, hệ số 1,86 (các chế độ BHXH, BHYT, BHTN được hưởng đầy đủ). Tại Tòa, hai bên đều khẳng định, hợp đồng được hai bên thực hiện đến hết tháng 12/2014 thì chấm dứt hợp đồng, Ban quản lý Chợ đã lập Biên bản thanh lý hợp đồng số 86/TLHD-BQL ngày 31/12/2014. Việc thanh lý hợp đồng dựa trên sự tự nguyện và thỏa thuận giữa các bên, trong đó bên A (Ban quản lý Chợ) đã thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B (ông Q) đến hết ngày 31/12/2014, lý do thanh lý hợp đồng: Theo yêu cầu của đơn vị. Ông Q đã ký tên vào Biên bản thanh lý hợp đồng, không có khiếu nại. Do đó, Hợp đồng làm việc số 01/HĐLV ngày 01/3/2014 sau ngày 31/12/2014 không còn giá trị.

- Ngày 01/01/2015, Ban quản lý Chợ lập hợp đồng xác định thời hạn với ông Lê Văn Q, hình thức giao khoán theo Hợp đồng giao khoán số: 01/HĐ-BQLC ngày 01/01/2015. Thời hạn hợp đồng: từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015. Giá trị hợp đồng: 31.320.000 đồng/năm, có bao gồm BHXH, BHYT, BHTN. Tiền công khoán trả theo từng tháng là 2.610.000 đồng/tháng, không có thỏa thuận nâng lương. Hợp đồng được ký kết dựa trên sự tự nguyện và thỏa thuận của hai bên.

- Từ tháng 01/2016 đến tháng 7/2018, Ban quản lý Chợ hợp đồng với ông Lê Văn Q theo hình thức thuê mướn lao động hàng tháng, công nhật, khoán việc, nhiệm vụ: quản lý, chăm sóc cây cảnh trong công viên. Cụ thể:

+ Trong năm 2016, có 12 hợp đồng, loại hợp đồng 01 tháng, chế độ giao khoán công việc, giá trị mỗi hợp đồng là 2.610.000 đồng/tháng.

+ Trong năm 2017, có 12 hợp đồng, loại hợp đồng công nhật, thời gian làm việc: 15 ngày/tháng x 180.000 đồng/ngày = 2.700.000 đồng/tháng. Riêng tháng 02 làm việc 14 ngày: 14 ngày x 180.000 đồng/ngày = 2.520.000 đồng/tháng. Hợp đồng công nhật được thực hiện theo chủ trương thuê lao động công nhật của UBND huyện L tại Công văn số 1620/UBND ngày 18/7/2017.

+ Trong năm 2018, có 07 hợp đồng, loại hợp đồng khoán việc, thời gian làm việc: 15 ngày/tháng x 180.000 đồng/ngày = 2.700.000 đồng/tháng. Riêng tháng 02 làm việc 14 ngày: 14 ngày x 180.000 đồng/ngày = 2.520.000 đồng/tháng.

- Ngày 6/8/2018, Ban quản lý Chợ và Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện L đã bàn giao khu Quảng trường cho Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảnh quan ĐA. Như vậy, kể từ tháng 8/2018, Ban Quản lý Chợ không còn chăm sóc quản lý khu Quảng trường và nguồn kinh phí do ngân sách cấp đã bị cắt từ thời điểm này. Do đó, Ban Quản lý Chợ không tiếp tục hợp đồng với ông Qkể từ đầu tháng 8/2018, đồng thời chuyển giao lao động là ông Qcho Công ty TNHH Cây xanh CM vào ngày 06/8/2018, nhưng ông Q chỉ làm việc được 03 ngày (từ ngày 7 đến ngày 9/2018) sau đó ông Q tự bỏ việc mà không thông báo.

[2] Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và các quy định của Bộ luật lao động năm 2012, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Hợp đồng xác định thời hạn ký ngày 01/01/2015, loại hợp đồng giao khoán, thời hạn 01 năm, được ký kết dựa trên sự tự nguyện và thỏa thuận của hai bên, không có thỏa thuận nâng lương. Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012, thì kể từ sau khi kết thúc hợp đồng trong thời hạn 30 ngày mà hai bên không ký kết hợp đồng mới thì hợp đồng đã giao kết trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Sau khi kết thúc hợp đồng 01 năm (sau ngày 31/12/2015), từ ngày 01/01/2016 đến tháng 7/2018, hai bên đã xác lập các hợp đồng 01 tháng, hợp đồng công nhật,

khoán việc, vẫn với nhiệm vụ cũ là quản lý, chăm sóc cây cảnh trong công viên. Như vậy, công việc của ông Q không phải là công việc thời vụ. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động 01 năm, nếu ký tiếp hợp đồng lao động mới thì cũng chỉ được ký hợp đồng lao động có thời hạn thêm 01 lần. Việc Ban quản lý Chợ ký nhiều hợp đồng lao động có thời hạn 01 tháng, hợp đồng công nhật là trái với quy định tại Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, cần xác định, kể từ năm 2017 đến tháng 7/2018, hợp đồng lao động giữa ông Q và Ban quản lý Chợ là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền bị đơn thừa nhận thiếu sót trong hình thức ký kết hợp đồng với ông Q nên tự nguyện hỗ trợ ông Q 03 tháng tiền lương theo hợp đồng là 8.760.000 đ (2.920.000đ x 03 tháng) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc Ban quản lý Chợ đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Lê Văn Q: Tòa án sơ thẩm nhận định, việc Ban quản lý Chợ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Q từ đầu tháng 8/2018 là trái với quy định pháp luật lao động để buộc Ban quản lý bồi thường thiệt hại cho ông Q là không đúng, bởi lẽ: Theo điểm c khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012, thì người sử dụng lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp: "Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc". Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Bộ luật lao động năm 2012, thì lý do bất khả kháng này thuộc trường hợp: "Di dời thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền". Trường hợp Ban quản lý Chợ phải bàn giao Khu Quảng trường để thực hiện dự án cây xanh là một chủ trương lớn của tỉnh và huyện, nằm ngoài ý chí, quyết định của Ban quản lý Chợ, do đó việc Ban quản lý Chợ đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Q từ đầu tháng 8/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 05/2015/ NĐ-CP.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc buộc Ban quản lý Chợ bồi thường thiệt hại từ tháng 8/2018 đến nay tổng cộng số tiền là 58.337.466 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần là 05 tháng tiền lương theo hợp đồng số tiền là 17.226.270 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước: Xét thấy, Ban quản lý Chợ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn với ông Q nhưng không báo trước 45 ngày là vi phạm quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Ban quản lý Chợ bồi thường cho ông Q 45

ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước với số tiền là 4.380.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012.

[2.4] Đối với yêu cầu buộc Ban quản lý Chợ phải nhận ông Q trở lại làm việc và tiếp tục thực hiện hợp đồng không xác định thời hạn ngày 01/3/2014:

Xét thấy, yêu cầu này là không có cơ sở vì Hợp đồng ngày 01/3/2014 giữa ông Q và Ban quản lý Chợ đã kết thúc, đồng thời kể từ tháng 8/2018, Ban quản lý Chợ cũng không còn chức năng quản lý khu quảng trường, Ban quản lý Chợ là đơn vị sự nghiệp tự chủ và việc thuê mướn lao động cũng phải theo chủ trương của UBND huyện.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn Q được miễn án phí. Ban quản lý Chợ huyện L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn Q được miễn án phí. Ban quản lý Chợ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Ban quản lý Chợ huyện L. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn Q.

Sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các Điều 22, 38, 41, 42 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015; Điều 12, 26, 28, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q đối với Ban Quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre về việc *"Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường do bị chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật"*:

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ban Quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre phải nhận ông Lê Văn Q trở lại làm việc và tiếp tục thực hiện hợp đồng không xác định thời hạn ngày 01/3/2014 giữa ông Qvà Ban Quản lý Chợ huyện L.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Ban Quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre phải bồi thường cho ông Lê Văn Q tổng cộng số tiền là 58.337.466 (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn) đồng và tiền tổn thất tinh thần là 17.226.270 (Mười bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q: Buộc Ban quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre phải bồi thường 45 ngày do vi phạm thời hạn báo trước là 4.380.000 (Bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của Ban quản lý Chợ huyện L, tỉnh Bến Tre đối với ông Lê Văn Q 03 tháng tiền lương theo hợp đồng là 8.760.000 (Tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Lê Văn Q được miễn.

Ban quản lý Chợ huyện L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Về án phí phúc thẩm:

Ông Lê Văn Q được miễn.

Ban quản lý Chợ huyện L không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại cho Ban quản lý Chợ số tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006984 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Thúy